TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QG VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HOÁ PHẨM DẦU KHÍ – CTCP

Số: /BB-DMC

Trụ sở chính: 32-34 Thái Thịnh II, Đống Đa, HN
Giấy CNĐKKD số: 0100150873, do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp ngày 18/10/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 30/3/2010

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2010

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

Vào hồi 8h00 giờ ngày 24/4/2010, Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) thường niên năm 2010 của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí -CTCP đã được khai mạc tại Hội trường lớn, tầng 19, Tòa nhà Petrovietnam, 18 Láng Hạ, Hà Nội.

Thành phần tham dự Đại hội:

Về phía các đại biểu, gồm có:

1. Bà Vũ Thanh Hương, đại diện Ban kiểm soát Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam;
2. Ông Ngô Văn Khôi, đại diện Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam;
3. Các Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát Tổng công ty DMC;
4. Trưởng/Phó các Phòng thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty DMC;
5. Đại diện lãnh đạo Công ty TNHH 1 thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC -Miền Bắc.

Và các quý vị cổ đông, đại diện cổ đông của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hoá Phẩm Dầu khí-CTCP (có Phụ lục Danh sách cổ đông/đại diện cổ đông dự họp kèm theo).

NỘI DUNG KỲ HỌP

I. Bầu Đoàn chủ tịch gồm:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty DMC – Chủ tọa;
2. Ông Lương Nguyễn Khoa Trường, Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ Tổng công ty DMC - ủy viên;
3. Bà Đinh Thị Thủy, Ủy viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty DMC - ủy viên;

Đại hội đã biểu quyết (bằng giơ tay) với tỷ lệ nhất trí là 100% cổ phần dự họp

II. Chỉ định Tổ thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Nguyễn Ngọc Khánh – chủ tọa Đại hội chỉ định Tổ thư ký gồm 02 người cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Quang Văn - Phó Phòng Kế hoạch Tổng công ty DMC;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy, Chuyên viên Phòng Pháp chế và Quan hệ Cộng đồng Tổng công ty DMC;

Để kiểm tra các điều kiện tiến hành ĐH và kiểm tra tư cách cổ đông tham dự, Ban tổ chức đã thành lập ban Kiểm tra tư cách cổ đông, do Ông Trần Đình Khang – Trưởng Phòng ATCLMT làm Trưởng Ban.

III. Thông qua Danh sách Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm 03 thành viên theo luật định và các thành viên hỗ trợ Ban bầu cử và kiểm phiếu:

1. Ông Trần Đình Khang- Trưởng Ban
2. Bà Dương Thị Mai Hoa- Ủy viên
3. Ông Trần Kiên – Ủy viên

Và các thành viên hỗ trợ Ban Bầu cử và kiểm phiếu:

1. Ông Hoàng Việt Hưng
2. Ông Trần Hoài Nam
3. Ông Nguyễn Đức Thuận
4. Ông Trần Thanh Hiền
5. Ông Nguyễn Quang Ngọc

Đại hội đã biểu quyết (bằng giơ tay) với tỷ lệ nhất trí là 100% cổ phần dự họp.

IV. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Trần Đình Khang - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty DMC hiện đang lưu hành là: 15.971.735 cổ phần.

✓ Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự: 60 cổ đông với số cổ phần SH/ĐD: **10.580.277** cổ phần chiếm **66,244 %** cổ phần có quyền biểu quyết.

Theo Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Tổng công ty, ĐHCĐ thường niên năm 2010 của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP có đủ điều kiện để tiến hành.

V. Thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

Ông Nguyễn Ngọc Khánh báo cáo và đề nghị Đại hội thông qua Chương trình Đại hội cụ thể như sau:

Theo Chương trình ĐH đã gửi cho Cổ đông và đề nghị được bổ sung thêm 2 nội dung vào chương trình họp:

- Trình ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch 5 năm 2011-2015 của DMC, do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - cổ đông chi phối vừa có văn bản chấp thuận;
- Trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ TCT (khoản 4 Điều 21);

Đại hội đã biểu quyết (bằng giơ tay) với tỷ lệ nhất trí là 100% cổ phần dự họp.

VI. Báo cáo Tổng kết hoạt động SXKD năm 2009 và KH năm 2010

Đại hội đã nghe Ông Lương Nguyễn Khoa Trường - Tổng Giám đốc DMC báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh, những thuận lợi và khó khăn thách thức của toàn TCT

trong năm 2009 với các chỉ tiêu về sản xuất, sản lượng tiêu thụ, các chỉ tiêu tài chính cơ bản khác và giải pháp cụ thể để triển khai kế hoạch năm 2010, cụ thể như sau:

✓ Thực hiện năm 2009:

- Doanh thu: 640 tỷ đồng;

  Trong đó:

  +) Doanh thu từ hoạt động SXKD: 552 tỷ đồng

  +) Doanh thu từ hoạt động tài chính: 88 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 50,62 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 50,12 tỷ đồng.

✓ Kế hoạch năm 2010:

- Doanh thu: 676,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 62 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 60 tỷ đồng

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí 99,71%.

V. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2009 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2010 và Báo cáo ĐHCĐ về việc bầu bổ sung 02 Ủy viên HĐQT năm 2009:

Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Ngọc Khánh, chủ tịch HĐQT báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2009 về việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; công tác quản lý, giám sát và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SX-KD, đồng thời cũng nêu rõ việc triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động trong năm 2010.

Trong năm 2009, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp HĐQT để giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sự, cơ cấu tổ chức/quản lý của DMC; các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản…và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Năm 2009, HĐQT cũng đã tiến hành bầu bổ sung 02 ủy viên HĐQT đó là:

1. Bà Chu Thị Hiền, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP, làm Ủy viên HĐQT Tổng công ty DMC thay ông Lê Công Thanh từ ngày 23/10/2009;
2. Ông Hà Duy Tân, Phó Trưởng Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, làm Ủy viên chuyên trách Hội đồng Quản trị Tổng công ty DMC thay ông Trần Quốc Việt từ ngày 23/10/2009.

HĐQT DMC xin báo cáo ĐHCĐ và đề nghị ĐHCĐ chấp thuận.

Trong năm 2010, HĐQT sẽ tích cực và thực hiện quyết liệt hơn các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 đã được ĐHĐCĐ thông qua - vì mục tiêu xây dựng DMC thành Tổng công ty phát triển lớn mạnh, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV toàn TCT và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2009 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2010 và Chấp thuận việc bầu bổ sung 02 Ủy viên HĐQT năm 2009 với tỷ lệ biểu quyết 99,93%.

VI. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2009 và phương hướng hoạt động năm 2010.

Ông Đỗ Xuân Vịnh -Trưởng Ban Kiểm soát, thay mặt Ban Kiểm soát Tổng công ty đọc báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2009, đặc biệt là hoạt động kiểm soát đối với hoạt động trong sản xuất - kinh doanh và hoạt động tài chính. Nhìn chung, các hoạt động của Tổng công ty đều tiến triển tốt, công tác tài chính kế toán tuân thủ nghiêm chỉnh chuẩn mực kế toán của Nhà nước… Đồng thời trong Báo cáo đã nêu rõ các vấn đề còn vướng mắc trong thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, đó là việc cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu chưa được nâng cấp; thói quen làm việc thụ động ỷ lại còn lớn, cách làm việc, cách suy nghĩ chưa thực sự đổi mới so với yêu cầu phát triển của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty phải có giải pháp tích cực để giải quyết triệt để vấn đề này.

Phần 2 của Báo cáo là Phương hướng hoạt động của Ban trong năm 2010 và một số kiến nghị giải pháp để thực hiện.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 99,89%.

VIII. Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban KS năm 2009 và chế độ tiền lương thù lao của HĐQT, BKS năm 2010

Bà Đinh Thị Thủy - Ủy viên chuyên trách HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ về việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao năm 2009 của HĐQT, BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2010, cụ thể:

1. Chế độ tiền lương, tiền thưởng năm 2010:

Đề nghị ĐHCĐ cho phép tiếp tục thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng theo Quy chế Tiền lương, Tiền thưởng được ban hành theo Quyết định số 208/QĐ-DMC ngày 16/7/2008 của HĐQT Tổng công ty DMC;

2. Chế độ thù lao năm 2010: Đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, cho phép thực hiện chế độ thù lao đối với các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát với các mức cụ thể như sau:
   - Thành viên HĐQT không chuyên trách: 3000 000 đ/tháng
   - Thành viên BKS không chuyên trách : 1 500 000 đ/tháng

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 99,74%.

IX. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009

Được sự chỉ định của Đoàn Chủ tịch, Ông Phạm Minh Đức – Kế toán trưởng Tổng công ty DMC báo cáo ĐHCĐ về Báo cáo Tài chính năm 2009 đã được kiểm toán và trình ĐHCD về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ như sau:

1. **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009:**

a. **Lợi nhuận sau thuế năm 2009 (Báo cáo hợp nhất)** : 50.118.948.502 đồng

b. **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 31/12/2009 (Báo cáo hợp nhất) :**

(bao gồm Lợi nhuận sau thuế cộng dồn từ các năm trước): 99.669.149.546 đồng

c. **Lợi nhuận được phân phối năm 2009:**

- Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2009 Công ty mẹ: 570.800.986 đồng

- Khoản thu từ hoạt động liên doanh liên kết là 86.209.600.000 đồng (*đã có quyết định chia trong năm 2010 từ MIVN là 4,6 trUSD quy đổi tỷ giá 18.544 VND/USD và từ CNG là 907.200.000 đồng. Khoản này lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất 99,6 tỷ*) chưa được ghi nhận doanh thu trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ vì thế khoản này chưa được chia năm 2009.

Do lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2009 được chia ghi trên BCTC Công ty Mẹ chỉ là **570.800.986 đồng** nên để lại chưa phân phối năm 2009.

2. Phương án tạm phân phối lợi nhuận năm 2010

Tạm phân phối lợi nhuận Quý I năm 2010 số tiền: 37.041.801.719 đồng, cụ thể:

a. Tạm chia cổ tức quý I năm 2010 số tiền là : 23.085.870.000 đồng tương đương 12% mệnh giá cổ phiếu (12%*192.382.250.000 đồng)

b. Lợi nhuận phân phối các Quỹ : 13.955.931.719 đồng

- Quỹ Đầu tư phát triển (30% lợi nhuận phân phối các quỹ): 4.186.779.515 đồng
- Quỹ Dự phòng tài chính (10% lợi nhuận phân phối các quỹ): 1.395.593.171 đồng
- Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (57% lợi nhuận phân phối các quỹ): 7.954.881.082 đồng

Trong đó :

✓ Quỹ Khen thưởng (40% Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi): 3.181.952.433 đồng

✓ Quỹ Phúc lợi (60% phân phối quỹ Khen thưởng, Phúc lợi): 4.772.928.649 đồng

- Quỹ Khen thưởng Ban quản lý điều hành (3% lợi nhuận phân phối các quỹ): 418.677.951 đồng.

Đại hội thảo luận một số nội dung liên quan đến Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2009 và Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ. Đoàn Chủ tịch đã trả lời từng nội dung mà các cổ đông nêu ra, cụ thể:

1. Về việc tạm chia cổ tức năm 2010:

Do lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết của DMC sau khi có BCTC kiểm toán mới có quyết định chia lãi cho các thành viên, vì vậy, số lợi nhuận từ các công ty này không được ghi nhận vào BCTC năm 2009 của DMC. Do vậy, tính đến ngày 31/12/2009, lợi nhuận chưa phân phối được chia ghi trên BCTC Công ty Mẹ chỉ là **570.800.986 đồng** nên để lại chưa phân phối năm 2009. Vì thế Tổng công ty phải đề xuất phương án tạm chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông.

2. Về thực trạng lao động hiện nay của DMC:

Cơ cấu lao động hiện nay tại DMC gồm:

- 30% lao động của DMC là những lao động có nhiều năm gắn bó, đóng góp cho sự phát triển của DMC. Tuy nhiên những lao động này phần lớn là lao động phổ thông, trình độ chuyên môn thấp.
- 70% lao động của DMC là những lao động trẻ, có trình độ, năng động, nhạy bén, được đào tạo đúng chuyên ngành nhưng kinh nghiệm còn hạn chế.

Do vậy việc chuyển đổi cơ cấu lao động của DMC gặp khó khăn. Hiện nay,

DMC đang tập trung mọi nỗ lực để nhanh chóng hoàn thành chuyển đổi cơ cấu lao động từ hoạt động sản xuất sang hoạt động dịch vụ.

3. Về mối quan hệ giữa DMC và các công ty liên doanh, liên kết:

Hiện nay, DMC có 01 công ty liên doanh là Công ty liên doanh MI Việt Nam, trong đó DMC nắm giữ 50% Vốn Điều lệ. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, trong thời gian tới Công ty liên doanh MI Việt Nam sẽ được chuyển đổi thành Công ty TNHH 2 thành viên, DMC sẽ nắm giữ 51% Vốn Điều lệ.

DMC có 02 Công ty liên kết:

- Công ty cổ phần CNG Việt Nam: DMC đang nắm giữ 27% Vốn Điều lệ của CNG. Công ty CNG mới đi vào hoạt động và bước đầu kinh doanh có lãi. Năm 2009, CNG đã quyết định trả cổ tức với tỷ lệ 5% cho các cổ đông.
- Công ty cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí (PVB): DMC nắm giữ 10% Vốn Điều lệ. Công ty PVB đang trong quá trình xây dựng, dự kiến đi vào hoạt động vào năm 2011.

Sau khi thảo luận hết các nội dung cần làm rõ trong BCTC kiểm toán năm 2009 và Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, Đại hội đã biểu quyết thông qua BCTC kiểm toán năm 2009 với tỷ lệ nhất trí là 99,64%. Đại hội cũng biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của DMC với tỷ lệ nhất trí là 99,74%.

X. Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (2011-2015):

Đại hội đã nghe ông Trần Đình Khang – Trưởng ban Bầu cử và Kiểm phiếu đọc Thể lệ Bầu cử, Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 100%.

Ông Trần Đình Khang, Trưởng Ban bầu cử đọc Danh sách ứng viên HĐQT, BKS, gồm các ông bà có tên sau:

1. Danh sách ứng viên HĐQT (xếp theo thứ tự a,b,c):

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức vụ, đơn vị công tác
				Chính trị	Chuyên môn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bà Chu Thị Hiền	02/1958	Kinh	Cao cấp	Kỹ sư Kinh tế Dầu khí	UV.HĐQT DMC, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
2	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	9/1957	Kinh	Cao cấp	Cử nhân Kinh tế Vật tư	Bí thư Đảng ủy, chủ tịch HĐQT DMC
3	Ông Hà Duy Tân	11/1974	Kinh	Cao cấp	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	UV.HĐQT chuyên trách DMC

4	Bà Đinh Thị Thủy	9/1956	Kinh	Cao cấp	Thạc sỹ kinh tế	UV.HĐQT chuyên trách DMC
5	Ông Lương Nguyễn Khoa Trường	12/1953	Kinh	Cao cấp	Kỹ sư cơ khí động lực	UV.HĐQT kiêm Tổng giám đốc DMC

2. Danh sách ứng viên Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ		Chức vụ, đơn vị công tác
				Chính trị	Chuyên môn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bà Trịnh Thị Len	9/1957	Kinh	Trung cấp	Cử nhân Kinh tế	Phó chánh Văn phòng Đảng ủy, thành viên BKS DMC
2	Bà Nguyễn Thị Mai	3/1957	Kinh	Trung cấp	Cử nhân Kinh tế	Chánh Văn phòng Công đoàn, thành viên BKS DMC
3	Ông Đỗ Xuân Vịnh	11/1957	Kinh	Trung cấp	Cử nhân Kế toán công nghiệp	Trưởng BKS DMC

Ban bầu cử và kiểm phiếu đã hướng dẫn cổ đông phương thức bầu cử. Các cổ đông điền vào phiếu bầu cử, Ban bầu cử và kiểm phiếu thu lại Phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu.

XI. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ và thông qua việc niêm yết bổ sung số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Đại hội đã nghe bà Đinh Thị Thủy - Ủy viên chuyên trách HĐQT báo cáo ĐHCĐ Phương án tăng vốn Điều lệ của Tổng công ty lên 350 tỷ đồng (chi tiết trong Dự thảo Phương án phát hành cổ phiếu gửi kèm theo Tài liệu họp), đồng thời đề nghị ĐHCĐ thông qua việc niêm yết bổ sung số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 99,75%.

XII. Kế hoạch 5 năm 2011-2015:

Đại hội đã nghe ông Lương Nguyễn Khoa Trường – Tổng giám đốc Báo cáo tóm tắt về Kế hoạch 5 năm 2011 – 2015 của Tổng công ty gồm: mục tiêu kế hoạch 5 năm; định hướng phát triển cũng như các giải pháp để thực hiện kế hoạch (chi tiết trong

Phụ lục đính kèm Tờ trình số: 740/TTr – DMC, ngày 19/4/2010 về việc thông qua Kế hoạch 5 năm 2010-2015 của Tổng công ty DMC đã gửi kèm theo Tài liệu họp).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 99,77%.

XIII. Bổ sung sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 21 Điều lệ Tổng công ty:

Ông Nguyễn Ngọc Khánh – Chủ tịch HĐQT báo cáo ĐHCĐ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 21 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của DMC, nội dung sửa đổi cụ thể như sau:

" Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về DMC đã bị mở đều không hợp lệ.

Trong trường hợp các quý Cổ đông không gửi Phiếu lấy ý kiến hoặc Phiếu lấy ý kiến được gửi về Tổng công ty quá thời hạn (theo dấu đóng trên phong bì nếu gửi bưu điện), sẽ xem như quý Cổ đông tán thành với nội dung xin ý kiến".

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 99,75%.

XIV. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2010:

Ông Đỗ Xuân Vịnh - Trưởng Ban kiểm soát DMC đọc Tờ trình ĐHCĐ về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của DMC. Đại hội đã nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán năm 2010 của DMC. Giao cho Tổng giám đốc đàm phán với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam về phí kiểm toán và các điều khoản khác, báo cáo HĐQT trước khi ký hợp đồng.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ nhất trí là 99,78%.

XV. Công bố kết quả bầu cử và ra mắt HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (2011-2015):

Ông Trần Đình Khang – Trưởng Ban Bầu cử và kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu Phiếu bầu ủy viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ II và công bố kết quả bầu cử, danh sách trúng cử cụ thể như sau:

1. **Danh sách ủy viên HĐQT:**

STT	Họ tên	Tỷ lệ bầu (%)
1	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	99,41
2	Ông Lương Nguyễn Khoa Trường	99,34
3	Bà Đinh Thị Thủy	99,32
4	Bà Chu Thị Hiền	99,27
5	Ông Hà Duy Tân	99,22

2. **Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**

STT	Họ tên	Tỷ lệ bầu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Mai	99,27
2	Ông Đỗ Xuân Vịnh	99,25
3	Bà Trịnh Thị Len	99,21

Các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (2010-2015) cùng ra mắt trước toàn thể Đại hội.

XVI. Công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

Ông Trần Đình Khang – Trưởng Ban bầu cử và Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2010 (chi tiết trong Biên bản kiểm phiếu đính kèm).

XVII. Dự thảo Nghị quyết Đại hội:

Thay mặt Tổ thư ký Đại hội, ông Phạm Quang Văn đọc Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010.

Đại hội đã biểu quyết (bằng giơ tay) với tỷ lệ nhất trí là 100%.

Đại hội đã kết thúc vào hồi 12h20 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI	**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH** **CHỦ TỌA**
Phạm Quang Văn	**Nguyễn Ngọc Khánh**
Nguyễn Thị Thúy	

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QG VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HOÁ PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2010

Số: 792/NQ-DMC

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2006;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty DMC;
- Trên cơ sở Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2010 Tổng công ty DMC ngày 24/4/2010,

QUYẾT NGHỊ:

I. Thông qua báo cáo Tổng kết hoạt động SXKD năm 2009 và KH năm 2010 với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,71% cổ phần dự họp, cụ thể như sau:

➢ Thực hiện năm 2009:

- Doanh thu: 640 tỷ đồng;

  Trong đó:

  ✓ Doanh thu SXKD: 552 tỷ đồng;

  ✓ Hoạt động LD-LK: 88 tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 50,62 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 50,12 tỷ đồng.

➢ Kế hoạch năm 2010:

- Doanh thu: 676,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 62 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 60 tỷ đồng

II. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2009 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2010 với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,93% cổ phần dự họp.

III. Chấp thuận việc bầu bổ sung 02 ủy viên HĐQT năm 2009 với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,93% cổ phần dự họp, cụ thể như sau:

1. Bà Chu Thị Hiền, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP, làm Ủy viên HĐQT Tổng công ty DMC thay ông Lê Công Thanh từ ngày 23/10/2009;
2. Ông Hà Duy Tân, Phó Trưởng Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, làm Ủy viên chuyên trách Hội đồng Quản trị Tổng công ty DMC thay ông Trần Quốc Việt từ ngày 23/10/2009.

IV. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2009 và Phương hướng hoạt động năm 2010 với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,89% cổ phần dự họp.

V. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban KS năm 2009 và chế độ tiền lương thù lao của HĐQT, BKS năm 2010 với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,74% cổ phần dự họp, cụ thể như sau:

1. Chế độ tiền lương, tiền thưởng năm 2010***:***

Tiếp tục thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng theo Quy chế Tiền lương, Tiền thưởng được ban hành theo Quyết định số 208/QĐ-DMC ngày 16/7/2008 của HĐQT Tổng công ty DMC;

2. Chế độ thù lao năm 2010: Thực hiện chế độ thù lao đối với các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát với các mức cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT không chuyên trách: 3000 000 đ/tháng
- Thành viên BKS không chuyên trách : 1 500 000 đ/tháng

VI. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2009 đã được kiểm toán với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,64% cổ phần dự họp.

VII. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,74% cổ phần dự họp, cụ thể như sau:

1. **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009:**

a. **Lợi nhuận sau thuế năm 2009 (Báo cáo hợp nhất)** : 50.118.948.502 đồng

b. **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 31/12/2009 (Báo cáo hợp nhất) :**

(bao gồm Lợi nhuận sau thuế cộng dồn từ các năm trước): 99.669.149.546 đồng

c. **Lợi nhuận được phân phối năm 2009:**

Do lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2009 được chia ghi trên BCTC Công ty Mẹ chỉ là **570.800.986 đồng** nên để lại chưa phân phối năm 2009.

2. **Phương án tạm phân phối lợi nhuận năm 2010**

Tạm phân phối lợi nhuận Quý I năm 2010 số tiền: **37.041.801.719 đồng**, cụ thể:

a. **Tạm chia cổ tức quý I năm 2010 bằng tiền mặt:**

- Tỷ lệ: 12%/mệnh giá (tương đương 1.200 đồng/01 CP).
- Số tiền là : 23.085.870.000 đồng.

b. Lợi nhuận phân phối các Quỹ: 13.955.931.719 đồng

- Quỹ Đầu tư phát triển (30% lợi nhuận phân phối các quỹ): 4.186.779.515 đồng.
- Quỹ Dự phòng tài chính (10% lợi nhuận phân phối các quỹ): 1.395.593.171 đồng.
- Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (57% lợi nhuận phân phối các quỹ): 7.954.881.082 đồng.

  Trong đó :

  ✓ Quỹ Khen thưởng (40% Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi): 3.181.952.433 đồng

  ✓ Quỹ Phúc lợi (60% phân phối quỹ Khen thưởng, Phúc lợi): 4.772.928.649 đồng
- Quỹ Khen thưởng Ban quản lý điều hành (3% lợi nhuận phân phối các quỹ): 418.677.951 đồng.

Giao cho HĐQT và TGĐ tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định pháp luật.

VIII. Bầu Ủy viên HĐQT Tổng công ty DMC khóa II (2010 – 2015), gồm những ông/bà có tên sau:

STT	Họ tên	Tỷ lệ bầu (%)
1	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	99,41
2	Ông Lương Nguyễn Khoa Trường	99,34
3	Bà Đinh Thị Thủy	99,32
4	Bà Chu Thị Hiền	99,27
5	Ông Hà Duy Tân	99,22

IX. Bầu thành viên BKS Tổng công ty DMC khóa II (2010 – 2015), gồm những ông/bà có tên sau:

STT	Họ tên	Tỷ lệ bầu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Mai	99,27
2	Ông Đỗ Xuân Vịnh	99,25
3	Bà Trịnh Thị Len	99,21

X. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng và thông qua việc niêm yết bổ sung số cổ phiếu dự kiến phát hành với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,75% cổ phần dự họp.

Giao cho Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty tiến hành các thủ tục để thực hiện phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo số lượng thực tế phát hành. (Chi tiết Phương án kèm theo).

XI. Thông qua Kế hoạch 5 năm 2011-2015 như Phụ lục đính kèm với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,77% cổ phần dự họp.

XII. Thông qua sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 21 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,75% cổ phần dự họp, cụ thể như sau:

" Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về DMC đã bị mở đều không hợp lệ.

Trong trường hợp các quý Cổ đông không gửi Phiếu lấy ý kiến hoặc Phiếu lấy ý kiến được gửi về Tổng công ty quá thời hạn (theo dấu đóng trên phong bì nếu gửi bưu điện), sẽ xem như quý Cổ đông tán thành với nội dung xin ý kiến".

XIII. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2010 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 99,75% cổ phần dự họp.

Giao cho Tổng giám đốc đàm phán với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam về phí kiểm toán và các điều khoản khác, báo cáo HĐQT trước khi ký hợp đồng.

XIV. HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông của Tổng công ty DMC chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2010.

Nơi nhận:
- UBCK NN (để b/c);
- Sở GDCK HN (để b/c);
- TTLK CK VN (để b/c);
- TĐ DKVN (để b/c);
- Cổ đông DMC;
- Các UV. HĐQT;
- BKS DMC;
- Ban TGĐ;
- Các Phòng/đơn vị trực thuộc DMC (để thực hiện);
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ CTCP

Nguyễn Ngọc Khánh

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QG VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ- CTCP
(DMC)

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 792 /NQ-DMC
của ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2010)

TỔ CHỨC PH	: TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ- CTCP (DMC)
ĐỊA CHỈ	: 32-34 Thái Thịnh - Đống Đa – Hà Nội
ĐIỆN THOẠI	: 04 – 3.8.56.28.61
FAX	: 04 – 3. 8.56.25.52

1. Cơ sở pháp lý xây dựng phương án:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP do Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 17/2007/TT-BTC do Bộ Tài Chính nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 13/03/2007 về việc hướng dẫn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;
- Căn cứ Thông tư số 18/2007/TT-BTC do Bộ Tài Chính nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 13/3/2007 về việc Hướng dẫn về việc mua bán lại cổ phiếu và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Hội đồng Quản trị TCT DMC chấp thuận;

2. Cơ cấu cổ đông và tình hình hoạt động SXKD của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí

2.1. Cơ cấu vốn của TCT:

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại thời điểm tháng 3/2010

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ	Số cổ phần nắm giữ	Gía trị (VNĐ)
1	Tập đoàn Dầu khí VN	53,23	10.239.774	102.397.740.000
2	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	6,85	1.317.649	13.176.490.000
3	Cổ đông khác	39,92	7.680.802	76.808.020.000
Tổng cộng		**100 %**	**19.238.225**	**192.382.250.000**

2.2. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Tổng Công ty

Bảng 2: Chỉ tiêu hoạt động SXKD của Tổng Công ty DMC trong năm 2009

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2008	KH 2009	TH KH 2009	Tỷ lệ %	
A	B	C	1	2	3	4=3:1	5=3:2
1	Sản lượng SX	Tấn	49 900	48 000	48 200	96,5	100
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	110 700	128 000	130 000	117	102
3	Vốn điều lệ	Tỷ đ	120	196	159,7	133	81
4	Doanh thu	*Tỷ đ*	491,4	560	640	130	114
5	LN trước thuế	Tỷ đ	70,3	45	50,6	71,9	112
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	69,1	44	50,1	72,5	113
7	Nộp NSNN	Tỷ.đ	17,3	10	10,7	62	107
8	Đầu tư XDCB	Tỷ.đ	22,9	42,4	42,4	185	100

Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009
1	**Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản**			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	36,90	42,35
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	63,1	57,65
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,67	43,94
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59,33	56,06
3	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,5555	1,3177
	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	0,0844	0,162
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	%	16,31	9

	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	29,38	18,87
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	7,43	10,57

3. Phương án phát hành thêm cổ phiếu:

3.1. Mục đích của đợt phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 192,38 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng của Tổng công ty nhằm vào các mục đích đầu tư, tái đầu tư máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3.2. Phương án phát hành

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần

Bảng 4: Phương án phát hành

STT	Phương án	Trước khi tăng vốn (1)	Sau khi tăng vốn (2)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	192,382	350,000	
2	Tổng số cổ phần	19.238.225	35.000.000	
3	Số cổ phiếu phát hành thêm (1,82 lần)		**15.761.800**	
4	Phát hành cho CBCNV TCT DMC (5%/tổng số CP đang lưu hành) (*)		961.911	2,75%
5	Phát hành cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 77%, tương ứng 100:77)		14.799.889	
	- Cổ phần của PVN	10.239.774	18.124.399	51,78%
	- Cổ phần của PVFCCo	1.317.649	2.332.238	6,66%
	- Cổ đông khác	7.680.802	13.595.019	38,84%

6	Giá trị cổ phần theo sổ sách	19.000 đ/cp		
7	Giá phát hành (dự kiến)**	10.000đ/cp		
8	Tiền thu được qua đợt phát hành (tỷ đồng)		157,618	

Ghi chú:

(*): Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đối tượng và tiêu chí phát hành cho CBCNV.

(**): Dựa vào dự báo tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý II không có nhiều khả năng tăng trưởng đột biến, do đó để đảm bảo khả năng thành công của đợt phát hành , Tổng Công ty dự kiến giá phát hành là 10.000 đ/cp

4. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Tổng công ty sẽ có vốn điều lệ mới là 350.000.000.000 đồng. Với số tiền huy động được là **157,618 tỷ đồng** từ việc chào bán thêm lần này, Tổng công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí sẽ sử dụng vào các mục đích đầu tư dự án, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, đầu tư tài chính đồng thời bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên . Cụ thể kế hoạch đầu tư theo Phụ lục đính kèm.

5. Phương án xử lý số lượng cổ phần lẻ phát sinh, số lượng cổ phần không phân phối hết:

- Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phần lẻ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn và số lượng cổ phần mà các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có), Hội đồng Quản trị DMC có quyền chào bán cho CBCNV Tổng Công ty và các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và CBCNV;

- Đối với số cổ phần phát hành cho CBCNV, trong trường hợp không đăng ký mua hết (nếu có), Hội đồng quản trị DMC có quyền chào bán tiếp số cổ phiếu đó cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và CBCNV;

- Trong trường hợp kết thúc 90 ngày kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký chào bán mà chưa phân phối hết, Hội đồng Quản trị DMC sẽ xin UBCKNN gia hạn thời gian phát hành để tiếp tục phân phối. Kết thúc thời gian gia hạn, số lượng cổ phần chưa phân phối hết được coi là số lượng cổ phần chưa phát hành.

6. Thời gian thực hiện:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn thiện các thủ tục cho đợt phát hành và lựa chọn thời gian phát hành thích hợp.

7. Các bước thực hiện:

- HĐQT đệ trình phương án phát hành để ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Ký Hợp đồng với đơn vị tư vấn phát hành để thực hiện các thủ tục phát hành;
- Xây dựng Hồ sơ xin phép phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng và trình Ủy Ban CKNN;
- Nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng và công bố phát hành;
- Chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện phát hành;
- Thực hiện việc phát hành cho CBCNV, cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác;
- Tổng kết đợt phát hành, báo cáo UBCKNN và xin phép bổ sung vốn điều lệ mới;
- Lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu của đợt phát hành.
- Thời gian cụ thể thực hiện các bước trên do HĐQT quyết định

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch HĐQT

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ

Nguyễn Ngọc Khánh

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 – 2015 CỦA DMC
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 792 /NQ- DMC
của ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2010)

I - Quan điểm phát triển

Phát triển DMC đồng thời cả ba lĩnh vực Sản xuất, Kinh doanh và Dịch vụ để tăng doanh thu/lợi nhuận nhằm đảm bảo sự tồn tại và phát triển vững chắc, lâu dài của DMC.

II - Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2011 – 2015

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Tổng công ty DMC thành nhà sản xuất, cung cấp hóa chất trong lĩnh vực dầu khí và các giải pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường và có uy tín trong nước và quốc tế. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm 15-20%.

Tổng công ty DMC phấn đấu trở thành:

1. Nhà sản xuất và cung ứng hàng đầu tại Việt Nam các sản phẩm có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao:
   - Các sản phẩm phục vụ cho khoan, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí;
   - Các sản phẩm phục vụ cho các ngành khác của nền kinh tế quốc dân.
2. Nhà cung cấp hóa chất, phân phối hóa phẩm và dịch vụ có uy tín trong và ngoài nước.
3. Nhà cung cấp các Dịch vụ hóa kỹ thuật chuyên nghiệp cho trong và ngoài ngành dầu khí. Tập trung trong các lĩnh vực : Dịch vụ dung dịch khoan tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và hoàn thiện giếng; Hóa phẩm và dịch vụ hóa kỹ thuật cho khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí; Dịch vụ làm sạch bồn/bể chứa dầu, tàu chở dầu, các công trình dầu khí; Xử lý chất thải: dầu thải và cặn dầu thô, nước thải, các chất thải công nghiệp; Dịch vụ xử lý làm sạch nước; chống ăn mòn bằng hóa chất; xử lý môi trường.
4. Là doanh nghiệp văn hóa và có trách nhiệm xã hội cao

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Lĩnh vực sản xuất:

- Duy trì và phát triển nhóm sản phẩm truyền thống : Barite; Bentonite; CaCO3; Xi măng G; Silica; …với sản lượng khoảng 100.000 – 150.000 tấn /năm;

- Phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng và hàm lượ ng công nghệ cao như: Super Lub.; Biosafe; PPD; Demul; Biocide; Polysal; Cao su lỏng....với sản lượng từ 2000 - 4000 tấn/năm;
- Sản xuất các sản phẩm mới trên cơ sở sử dụng các sản phẩm của công nghiệp lọc hóa dầu, chế biến dầu khí như: Axit sunfuric; Tiến hành nghiên cứu cơ hội đầu tư sản xuất Bitumen, Black Carbon, lập FS trình Tập đoàn xem xét.

2.2 Lĩnh vực kinh doanh:

- Thiết lập được hệ thống cơ sở vật chất, kinh doanh, phân phối hóa chất và hóa phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế theo mô hình Quản lý Chuỗi Cung ứng Hậu cần – Supply Chain Management, đáp ứng các yêu cầu đặc thù về An toàn, Sức khỏ, Môi trường của kinh doanh hóa chất.
- Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm phục vụ ngành dầu khí và thiết lập hệ thống phân phối các sản phẩm của ngành . Tăng cường xuất khẩu đảm bảo tự cân đối ngoại tệ để nhập khẩu hóa chất cho hoạt động dầu khí.
- Xây dựng hệ thống phân phối, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu.
- Doanh thu lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng khoảng 50% doanh thu hàng năm của Tổng công ty.

2.3 Lĩnh vực dịch vụ hóa kỹ thuật:

- Nghiên cứu cơ bản để có công nghệ riêng của DMC về dung dịch khoan với sự hỗ trợ của Tập đoàn. Dịch vụ cung cấp Dung dịch khoan: Chiếm 100% thị phần;
- Dịch vụ cung cấp hoá chất xử lý giếng khoan , hoàn thiện giếng: Chiếm khoảng 50% thị phần;
- Dịch vụ làm sạch bồn bể chứa , tầu dầu...: Chiếm 100% thị phần trong ngành; 20% thị phần ngoài ngành;
- Dịch vụ xử lý nước /môi trường: Chiếm 100% thị phần trong ngành , 15% thị phần ngoài ngành.

2.4 Các vấn đề An toàn - Môi trường và An sinh - Xã hội

- Xây dựng hệ thống HSE hiện đại đạt tiêu chuẩn Quốc tế. Không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.
- Đảm bảo công ăn việc làm và điều kiện làm việc cho khoảng 1000 người lao động với mức thu nhập bình quân 15 triệu đồng/người/tháng.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động từ thiện, chương trình nhân đạo, an sinh xã hội...

2.5 Các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 5 năm 2011 – 2015

- Vốn điều lệ năm 2015 của DMC: 1500 tỷ
- Sản phẩm sản xuất 5 năm : 996.700 tấn; Tăng trưởng bình quân 23% năm
- Sản phẩm tiêu thụ 5 năm : 1.771.700 tấn; Tăng trưởng bình quân 22% năm
- Tổng doanh thu 5 năm: 17.800 tỷ; Tăng trưởng bình quân 25 %/ năm
- Tổng lợi nhuận trước thuế 5 năm: 1150 tỷ đồng;
- Tổng mức đầu tư 5 năm: 3.000 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 13%
- Thu nhập bình quân : 15 triệu đồng/Người /Tháng

(Chi tiết các chỉ tiêu của từng năm kế hoạch tại Phụ lục 1 đính kèm)

III - Định hướng triển khai và các giải pháp thực hiện

3.1 Giải pháp về sản xuất – kinh doanh - dịch vụ

3.1.1 Lĩnh vực sản xuất

- Cơ cấu lại nhóm sản phẩm chủ yếu theo hướng tăng cường sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao;
- Nghiên cứu và đẩy mạnh hợp tác quốc tế phát triển các sản phẩm có nguồn nguyên liệu từ công nghiệp lọc dầu và hóa dầu, chế biến dầu khí/ hoặc DMC có lợi thế cạnh tranh bằng cách chuyển giao công nghệ hoặc mua lại bản quyền.
- Hợp tác với địa phương, vùng lãnh thổ để khai thác nguyên liệu và sản xuất một số sản phẩm truyền thống với quy mô công nghiệp và giá cả cạnh tranh.
- Hoàn thiện các quy trình công nghệ sản xuất, các chứng chỉ quản lý chất lượng, an toàn môi trường và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm của DMC và do DMC phân phối.

3.1.2 Lĩnh vực kinh doanh hóa chất và hóa phẩm

- Hình thành hệ thống cung ứng và phân phối đạt chuẩn quốc tế ; tiến tới cung cấp sản phẩm và dịch vụ trọn gói theo các thỏa thuận dài hạn cho khách hàng.
- Phát triển hệ thống Căn cứ dịch vụ Hóa chất bao gồm: kho hóa chất chuyên dụng, phòng thí nghiệm để kiểm soát chất lượng (sản xuất và nhập khẩu), nghiên cứu sản phẩm mới, phương tiện tồn trữ, vận tải chuyên dụng, vừa phục vụ cho hoạt động dịch vụ dầu khí, vừa là các Căn cứ tồn trữ, phân phối sản phẩm hóa chất để đảm bảo chất lượng, an toàn, chi phí cạnh tranh và thời gian tối ưu cho khách hàng;

- Xác định phân khúc thị trường phù hợp. Giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới. Cung cấp hóa chất và phân phối các sản phẩm của ngành Dầu khí là trọng tâm. Trên cơ sở đó mở rộng cung ứng ra các ngành liên quan.

+ Thị trường trong nước: bám sát nhu cầu hóa phẩm của các đơn vị trong và ngoài ngành dầu khí. Xây dựng phát triển đội ngũ tiếp thị chuyên nghiệp, có chuyên môn kiến thức về ngành hàng kinh doanh để có thể đưa ra các giải pháp sản phẩm tối ưu cho khách hàng.

+ Thị trường nước ngoài: tham gia vào các chương trình hợp tác đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn để cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Xây dựng các chương trình hợp tác của Tổng công ty DMC với các đối tác trong khu vực phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng. Đẩy mạnh chào hàng, cung cấp hóa phẩm mà DMC có lợi thế cạnh tranh tới các khách hàng, các nhà thầu dầu khí trong khu vực Đông Nam Á, Trung Đông và Trung Mỹ

- Ứng dụng thương mại điện tử, nâng cao vai trò của thương mại điện tử trong các hoạt động kinh doanh và cung ứng.

3.1.3 Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật

- Xây dựng các công ty dịch vụ kỹ thuật có công nghệ, nhân lực, hạ tầng đồng bộ, đạt tiêu chuẩn quốc tế, trong đó ưu tiên phát triển dịch vụ Dung dịch khoan;
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm dịch vụ mới, từng bước tiếp thu chuyển giao công nghệ, tiến tới làm chủ công nghệ;
- Hợp tác quốc tế để triển khai các dịch vụ ra nước ngoài.

3.2 Giải pháp về đầu tư và vốn

3.2.1 Lĩnh vực đầu tư

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ cho các loại hình dịch vụ hóa kỹ thuật mới đảm bảo tính đồng bộ, đạt chuẩn quốc tế.
- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hệ thống các căn cứ hậu cần: Nhà kho chuyên dụng, phương tiện vận chuyển, trang thiết bị, phòng thí nghiệm.
- Đầu tư mới, thay thế các thiết bị sản xuất phục vụ sản xuất các sản phẩm chuyên ngành của DMC tại Vũng tàu, Quảng ngãi và Thanh hóa.
- Đầu tư xây dựng mới các Nhà máy sản xuất các sản phẩm liên quan đến hóa dầu như Axit sunfuric, Cao su lỏng…và Bitum, Black Carbon khi các dự án này có tính khả thi.
- Đầu tư khai thác mỏ Barite tại Đoan Hùng (Phú Thọ); Lục Ba (Thái Nguyên); Pha kat (Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào); Mỏ Bentonite tại Thanh hóa, Bình Thuận; CaCO3 tại Nghệ An và các mỏ khác (Thạch cao, Muối kali...)

(Chi tiết tiến độ các dự án tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm)

3.2.2 Vốn cho lĩnh vực đầu tư:

a. Vốn chủ sở hữu

- Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu đầu tư, kinh doanh.
- Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty.

b. Huy động vốn từ các nguồn

- Huy động vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Hợp tác, liên kết với các đối tác dưới các hình thức : Liên minh, liên doanh; thành lập các công ty cổ phần;
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong và ngoài nước khi Tổng công ty có đủ điều kiện.

c. Giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

- Xây dựng hệ thống định mức, kiểm soát chi phí sản xuất, chi phí quản lý
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền

3.3 Giải pháp về Tổ chức và đào tạo phát triển nguồn nhân lực

3.3.1 Về tổ chức

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và quy chế hoạt động Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con, phù hợp với thực tế phát triển của Tổng công ty cho từng giai đoạn;
- Thành lập mới các công ty con (TNHH hoặc cổ phần) để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành.
- Thành lập trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ cho hoạt động sản xuất và dịch vụ của Tổng công ty.

3.3.2 Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo nhân lực có đủ các kỹ năng và chứng chỉ quốc tế liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của DMC đáp ứng cho nhu cầu công việc (khoảng 100 người), trong đó tập trung đào tạo các first en gineering, project management, HSE, QA/ QC, luật, thương mại, đàm phán quốc tế…
- Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo của DMC phù hợp với chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn
- Đào tạo lại/ đào tạo nâng cao đội ngũ lao động có đủ các kỹ năng và chứng chỉ hành nghề.

- Hợp tác với các trường Đại học, Trung tâm đào tạo trong và ngoài nước để tuyển dụng kịp thời và đủ nhân lực cần thiết phục vụ cho quá trình phát triển của Tổng công ty.
- Ưu tiên tuyển dụng con, em cán bộ trong ngành, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp để thu hút người lao động có trình độ, chuyên môn cao.

3.4 Giải pháp về hợp tác đầu tư, hội nhập kinh tế quốc tế

- Quản lý và đẩy mạnh hoạt động dịch vụ của liên doanh DMC-MI trong 10 năm 2011 - 2021 (tỷ lệ vốn góp: DMC: 51%; MIDF : 49%)
- Hợp tác đa phương với các đối tác nước ngoài để đa dạng các sản phẩm và dịch vụ cả ở trong và ngoài nước, các lĩnh vực hợp tác gồm:

+ Hợp tác với các đối tác nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ hóa chất đi kèm các giải pháp kỹ thuật.
+ Hợp tác với một số đối tác nước ngoài trong lĩnh vực làm sạch thiết bị và xử lý môi trường để triển khai các loại hình dịch vụ này.
+ Hợp tác, liên doanh để sản xuất các sản phẩm có giá trị thương mại và hàm lượng chất xám cao.

- Có kế hoạch để lựa chọn đối tác chiến lược/tiềm năng của Tổng công ty.

3.5 Giải pháp về khoa học công nghệ

- Hợp tác chặt chẽ với các Viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nghiên cứu công nghệ dung dịch khoan;
- Xây dựng đội ngũ cộng tác viên là chuyên gia kỹ thuật hàng đầu trong các lĩnh vực mà Tổng công ty tập trung phát triển;
- Xây dựng và trang bị hệ thống thiết bị nghiên cứu hiện đại cho Trung tâm nghiên cứu ứng dụng nhằm phát triển các sản phẩm và dịch vụ phục vụ trong ngành Dầu khí, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực hóa chất cho khai thác và lọc hóa dầu. DMC phải tự chủ việc pha chế, sản xuất các loại hóa phẩm chủ yếu phục vụ cho dung dịch khoan, khai thác và lọc dầu.
- Nghiên cứu và đưa ra các giải pháp kỹ thuật phục vụ các hoạt động sản xuất của PVN mà DMC được Tập đoàn phân công.

3.6 Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt hệ thống quản lý Chất lượng- Môi trường- An toàn sức khỏe nghề nghiệp (ISO 9000- ISO 14000 - OHSA 18000) theo chuẩn mực quốc tế làm cơ sở cho việc đáp ứng yêu cầu và đảm bảo chất lượng, an toàn cho việc tham gia cung cấp các dịch vụ hóa kỹ thuật cho các Nhà thầu dầu khí Quốc tế.

- Đảm bảo các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của DMC luôn tuân thủ các yêu cầu của pháp luật, các chuẩn mực về công nghiệp được thừa nhận.
- Tăng cường quản lý chất thải, nghiên cứu áp dụng giảm thiểu chất thải, kiểm soát và xử lý nguồn chất thải phát sinh trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ đảm bảo có nền sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.
- Xây dựng bộ máy quản lý bảo về môi trường trong Tổng công ty và phân cấp trách nhiệm, kiểm tra, kiểm soát và báo cáo.
- Đào tạo đầy đủ cho CBCNV của DMC kiến thức về môi trường và bảo vệ môi trường phù hợp với công việc họ đảm nhận.
- Hàng năm tiến hành đánh giá tác động môi trường khi có sự thay đổi đáng kể về quy mô phát triển sản xuất, chủng loại sản phẩm và các hoạt động dịch vụ kỹ thuật khác.

3.7 Giải pháp đảm bảo ổn định đời sống và an sinh xã hội

- Tạo tối đa việc làm cho người lao động.
- Đảm bảo thu nhập bình quân mức 12 – 17 triệu đồng/người/ tháng thông qua tăng năng suất lao động và mở rộng sản xuất.
- Đào tạo đúng người, đúng việc cho người lao động.
- Xây dựng chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở cho người lao động.

Phụ lục 1

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CỦA DMC

(kèm theo Kế hoạch 5 năm 2011-2015)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm					Tổng cộng kế hoạch 2011 - 2015	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 (%)	Ghi chú
			2011	2012	2013	2014	2015			
A	B	C	1	2	3	4	5	6=1+…+5	7	8
I	**Các chỉ tiêu khối lượng**									
1	**Sản lượng sản xuất**	**Tấn**	**115 000**	**173 200**	**206 500**	**234 000**	**268 000**	**996 700**	**23.55**	
	- Sản phẩm truyền thống (Barite, Bentonite, CaCO3, Ximang G...)	-	110 000	165 000	195 000	215 000	245 000	930 000		
	- Sản phẩm mới (Polysal, Demul, PPD, H_2SO4…)	-	5 000	8 200	11 500	19 000	23 000	66 700		
2	**Sản lượng tiêu thụ**	**Tấn**	**215 000**	**298 200**	**351 500**	**429 000**	**478 000**	**1 771 700**	**22.11**	
	- Sản phẩm do DMC sản xuất		115 000	173 200	206 500	234 000	268 000	996 700		
	- SP kinh doanh khác (Hóa chất cho khoan, khai thác.., và Hạt nhựa, Xơ sợi…)	-	100 000	125 000	145 000	195 000	210 000	775 000		
II	**Các chỉ tiêu tài chính**									
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	**618**	**1 023**	**1339**	**1560**	**1568**	**1222**	**26.20**	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	Tỷ đồng	600	1000	1300	1500	1500	1 180	25.74	
	Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn	**%**	51	51	51	51	51	51	0.00	
2	**Tổng doanh thu**	**Tỷ đồng**	**2 200**	**2 600**	**3 200**	**4 300**	**5 500**	**17 800**	**25.74**	Từ năm 2011doanh thu công ty MI - VN hợp nhất vào tổng doanh thu DMC do DMC chiếm 51% vốn điều lệ công ty.
2.1	***Doanh thu SXKDDV của DMC***	***Tỷ đồng***	***1 500***	***1 900***	***2 600***	***3 700***	***4 900***	***14 600***	***34.44***	
	Trong đó:									
	- Doanh thu từ các sản phẩm sản xuất	Tỷ đồng	300	350	550	750	1 050	3 000	36.78	
	- Doanh thu từ kinh doanh	-	800	1 050	1 350	2 150	2 850	8 200	37.38	
	- Doanh thu từ các DV kỹ thuật và Logicstic	-	400	500	700	800	1 000	3 400	25.74	
2.2	***Doanh thu hợp nhất của MI - VN***	***Tỷ đồng***	***700***	***700***	***600***	***600***	***600***	***3 200***	***-3.78***	
3	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	**100**	**175**	**220**	**290**	**365**	**1 150**	**38.22**	
4	Lợi nhuận sau thuế	**-**	**93**	**150**	**185**	**240**	**300**	**967**	**34.20**	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm					Tổng cộng kế hoạch 2011 - 2015	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 (%)	Ghi chú
			2011	2012	2013	2014	2015			
A	B	C	1	2	3	4	5	6=1+…+5	7	8
5	Tỷ suất LN sau thuế trên/ vốn điều lệ	**%**	**15.42**	**14.95**	**14.23**	**16.02**	**20.00**			
6	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	**25**	**44**	**59**	**74**	**89**	**292**	**37**	
7	Nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	**38**	**63**	**68**	**94**	**95**	**357**	**26**	
8	Hệ số nợ	**%**	**30**	**32**	**35**	**35**	**35**	33		
III	**Chỉ tiêu đầu tư**									
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	**794**	**975**	**736**	**478**	**18**	**3001**		Theo dự án
	Trong đó: - Đầu tư XDCB và MSTTB	Tỷ đồng	794	975	736	478	18	3 001		
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	**794**	**975**	**736**	**478**	**18**	**3 001**		
	Trong đó:									
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	238	293	221	143	5	900		
	- Vốn vay + vốn khác	Tỷ đồng	556	683	515	335	13	2101		
IV	**Các chỉ tiêu khác**									
1	Lao động và thu nhập									
	- Số lao động cuối kỳ	Người	770	850	880	950	1000		**6.75**	
	Số lao động bình quân	*Người*	*745*	*820*	*860*	*935*	*980*			
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng/tháng	11.8	12.5	14.1	15.5	17.8		**10.82**	
	- Năng suất lao động	Trđ/ng/tháng	246.09	264.23	310.08	383.24	467.69		**17.41**	
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	820	860	910	980	1150			
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	7.1	8.47	9.34	9.35	10.88	**45.14**		Trong đó có một phần kinh phí đào tạo chuyên sâu cho KS dung dịch khoan và dịch vụ hóa kỹ thuật khác. Hàng năm, DMC sẽ lập phương án chi tiết trình PVN xin xem xét, hỗ trợ
4	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	3	3	3	3	3			
5	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	1.4	1.8	1.5	1.5	1.5	**8**		Vốn DMC và bên ngoài

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CỦA TỔNG CÔNG TY DMC

(kèm theo Kế hoạch 5 năm 2011-2015)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Ước thực hiện đến 31/12/201	Kế hoạch năm (giá trị thực hiện đầu tư)					Ghi chú (mốc tiến độ chủ yếu theo từng năm)
				Khởi công	Hoàn thành			2011	2012	2013	2014	2015	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đầu tư toàn Tổng Công ty (A+B)					**3226**	**225**	**794**	**975**	**736**	**478**	**18**	
A	**Công ty mẹ đầu tư (I+II+III)**					**3174**	**225**	**752**	**965**	**736**	**478**	**18**	
I	**Các dự án đầu tư xây dựng**					**2174**	**145**	**460**	**699**	**540**	**330**		
	Dự án nhóm A					**0**		**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Dự án chuyển tiếp												
2	Dự án khởi công mới												
3	Dự án chuẩn bị đầu tư												
	Dự án nhóm B					**1571**	**130**	**302**	**434**	**375**	**330**	**0**	
1	**Dự án chuyển tiếp**					**881**	**130**	**157**	**104**	**160**	**330**	**0**	
1.1	Đầu tư xây dựng hệ thống kho hóa chất chuyên dụng tại KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	12 000m2	2010	2012	92	38	30	24				Năm 2010: - Hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống kho; - Hoàn thành đầu tư dây chuyền sản xuất Polysal với công suất 2000 tấn/năm. Năm 2011: - Hoàn thành đầu tư hệ thống pha trộn hóa chất, thiết bị vận hành kho. Năm 2012: - Hoàn thành xây dựng bổ sung hệ thống kho hóa chất phục vụ giai đoạn mở rộng của NMLD Dung Quất.
1.2	Nhà xưởng sản xuất hóa phẩm dầu khí tại KCN Cái Mép.	Bà Rịa - Vũng Tàu		2010	2013	99	45	54					Năm 2010: - Cơ bản hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống kho; - Hoàn thành đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng G với công suất 15 000 tấn năm. Năm 2011: Hoàn thành đầu tư các dây chuyền: - Bentonite 20 000 tấn/năm; - Silica: 8 000 tấn/năm; - Super lub: 2 000 tấn/năm; - Biosafe: 1 500 tấn/năm; - Muối: 12 000 tấn/năm

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Ước thực hiện đến 31/12/201	Kế hoạch năm (giá trị thực hiện đầu tư)					Ghi chú (mốc tiến độ chủ yếu theo từng năm)
				Khởi công	Hoàn thành			2011	2012	2013	2014	2015	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.3	Xây dựng Tổng kho hóa chất tại Vũng Tàu.	Vũng Tàu	7 000 m2	2011	2013	150		60	50	40			Năm 2011: Hoàn thành xây dựng hệ thống kho hóa chất chuyên dụng và hệ thống thiết bị vận hành kho. Năm 2012: Đầu tư bổ xung hệ thống kho hóa chất chuyên dụng Năm 2013: Hoàn thành đầu tư bổ sung hệ thống kho hóa chất chuyên dụng
1.4	Đầu tư dây chuyền sản xuất Sét Bentonite API chất lượng cao trên cơ sở nguồn sét Cổ Định và Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.	Thanh Hóa	50 000t/n	2010	2015	90	30		30		30		Năm 2010-2011: Hoàn thành thủ tục xin cấp phép khai thác Bentonite. Hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 nhà máy Bentonite với công xuất 15 000 tấn/năm Năm 2012: Hoàn thành đầu tư mở rộng nâng công suất lên 30 000 tấn/năm Năm 2014: Hoàn thành đầu tư mở rộng nâng công suất lên 50 000 tấn/năm
1.5	Đầu tư dây chuyền sản xuất axit Sunphuric tại Dung Quất	Quảng Ngãi	6000t/n	2010	2011	30	17	13					Năm 2011: Hoàn thành đầu tư dây chuyền sản xuất axit H2SO4 với công suất 6000 tấn/năm tại Quảng Ngãi
1.6	Đầu tư dây chuyền sản xuất axit Sunphuric tại Thanh Hoá	Thanh Hóa	20 000t/n	2013	2014	420				120	300		Năm 2014 Hoàn thành đầu tư nhà máy với công suất 20 000 tấn/năm tại Nghi Sơn Thanh Hóa.
2	**Dự án khởi công mới**					**690**	**0**	**145**	**330**	**215**	**0**	**0**	
2.1	Đầu tư nhà máy chế biến CaCO3 tại Nghệ An	Nghệ An	400 000t/n	2011	2013	395		30	200	165			Năm 2011: Hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng nhà máy; Năm 2012: Hoàn thành đầu tư thiết bị để sản xuất CaCO3 với công suất 100 000t/năm. Năm 2013: Hoàn thành đầu tư mở rộng nâng công suất lên 400 000 tấn/năm
2.2	Đầu tư dây chuyền sản xuất cao su lỏng dùng trong lĩnh vực chống thấm	Thanh Hóa	240 000l/n	2011	2012	95		65	30				Năm 2011: Hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 với công suất 240000lit/năm Năm 2012: Hoàn thành đầu tư mở rộng nâng công xuất lên 500 000 lit/năm

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Ước thực hiện đến 31/12/201	Kế hoạch năm (giá trị thực hiện đầu tư)					Ghi chú (mốc tiến độ chủ yếu theo từng năm)
				Khởi công	Hoàn thành			2011	2012	2013	2014	2015	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.3	Cơ sở cung ứng dịch vụ tại KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Thanh Hóa		2011	2015	200		50	100	50			Năm 2011: Hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống kho hóa chất; Năm 2012: Đầu tư thiết bị vận hành kho; Năm 2013: Đầu tư bổ xung hệ thống kho
	Dự án nhóm C					**603**	**15**	**158**	**265**	**165**	**0**	**0**	
1	**Dự án chuyển tiếp**					**123**	**15**	**28**	**60**	**20**	**0**	**0**	
1.1	Đầu tư khai thác và chế biến Barite tại Lào.	Lào	30 000t/n	2010	2011	18		18					Năm 2011: Đầu tư nhà máy sản xuất Barite tại Lào (phần vốn góp của DMC là 18 tỷ đồng) với công suất 30 000 t/năm.
1.2	Đầu tư khai thác và chế biến Thạch cao tại Lào.	Lào	40 000t/n	2010	2012	48	8	10	30				Năm 2011: Hoàn thành thi công thăm dò Thạch cao tại Lào: Năm 2012: Hoàn thành nhà máy sản xuất Thạch cao tại Lào với công suất 40000t/năm.
1.3	Khai thác, chế biến Barite tại Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.	Phú Thọ	20 000t/n	2010	2013	57	7		30	20			Năm 2012: Hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng nhà máy sản xuất Barite tại Đoan Hùng; Năm 2013: Hoàn thành đầu tư thiết bị sản xuất và phương tiện vận chuyển để sản xuất 20000t Barite/năm.
2	**Dự án khởi công mới**					**480**	**0**	**130**	**205**	**145**	**0**	**0**	
2.1	Dự án xử lý chất thải rắn từ nhà máy lọc dầu Bình Sơn.	Dung Quất		2011	2013	85		20	55	10			
2.2	Dự án nhà máy xử lý nước thải và rác thải Nghi Sơn	Thanh Hóa		2011	2013	260		60	100	100			Năm 2011: Hoàn thành đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng của nhà máy: Năm 2012: Hoàn thành đầu tư nhà máy giai đoạn I Năm 2013: Hoàn thành đầu tư Giai đoạn II
2.3	Dự án đầu tư cảng cạn Depot (Kho ngoại quan)	Hòa Lạc; Hưng Yên		2011	2013	100		50	50				Năm 2011: Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng Năm 2012: Hoàn thành đầu tư phần thiết bị vận chuyển .
2.4	Đầu tư dây chuyền sản xuất lưu huỳnh	Quảng Ngãi	10 000 tấn/năm	2011	2014	35				35			Năm 2013: Hoàn thành đầu tư dây chuyền sản xuất lưu huỳnh với công suất 10000 tấn/năm tại Quảng Ngãi
II	**Mua sắm tài sản**					**1000**	**80**	**292**	**266**	**196**	**148**	**18**	
1	Đầu tư thiết bị để cung cấp thiết bị làm sạch bồn bể và tàu chở dầu (đầu tư thêm 04 hệ thống từ 2011-2014)	Vũng Tàu, Dung Quất	05 hệ thống	2010	2012	400	80	80	80	80	80		Từ năm 2011 đến 2014, mỗi năm đầu tư thêm một hệ thống làm sạch bồn bể và tàu chở dầu.
2	Đầu tư thiết bị vận chuyển hóa chất chuyên dụng					150				100	50		

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Ước thực hiện đến 31/12/201	Kế hoạch năm (giá trị thực hiện đầu tư)					Ghi chú (mốc tiến độ chủ yếu theo từng năm)
				Khởi công	Hoàn thành			2011	2012	2013	2014	2015	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Thiết bị phục vụ cho cung cấp dịch vụ dung dịch khoan và hóa chất khai thác	Vũng Tàu		2011	2012	150		100	50				
4	Hệ thống xử lý chất rắn (01 cụm)ngoài giàn khoan	Vũng Tàu		2012	2012	20			20				
5	Hệ thống xử lý DDK gốc dầu	Vũng Tàu		2013	2013	200		100	100				
6	Đầu tư thiết bị khác (ô tô, thiết bị thí nghiệm …)	Toàn TCT		1011	2015	80		12	16	16	18	18	
III	**Đầu tư khác**					0							
B	**Các Công ty con đầu tư**					**52**	**0**	**42**	**10**	**0**	**0**	**0**	
I	**DMC Miền Bắc**					**30**	**0**	**30**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án đầu tư nâng cấp nhà xưởng, kho tại Yên Viên	Hà Nội		2011	2011	30		30					Năm 2011: Hoàn thành việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và xây dựng hệ thống kho tại DMC MB.
II	**Đầu tư tại DMC Miền Trung**												
III	**Đầu tư tại DMC Miền Nam**					**22**	**0**	**12**	**10**	**0**	**0**	**0**	
3.1	Đầu tư thiết bị khoan cọc nhồi			2011	2011	12		12					
3.2	Đầu tư phương tiện vận tải, bốc xếp hàng hóa			2012	2012	10			10				

Phụ lục 3

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CỦA TỔNG CÔNG TY DMC

(kèm theo Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Năm 2011				Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			Vốn ngân sách Nhà nước	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn ngân sách Nhà nước	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn ngân sách Nhà nước	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn ngân sách Nhà nước	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn ngân sách Nhà nước	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Tổng Cộng (A+B)	**794.0**		**238.2**	**555.8**	**975.0**		**292.5**	**682.5**	**736.0**		**220.8**	**515.2**	**478.0**		**143.4**	**334.6**	**18.0**		**5.4**	**12.6**	
A	**Công ty mẹ đầu tư (I+II+III)**	**752.0**		**225.6**	**526.4**	**965.0**		**289.5**	**675.5**	**736.0**		**220.8**	**515.2**	**478.0**		**143.4**	**334.6**	**18.0**		**5.4**	**12.6**	
I	**Các dự án đầu tư xây**	**460.0**		**138.0**	**322.0**	**699.0**		**209.7**	**489.3**	**540.0**		**162.0**	**378.0**	**330.0**		**99.0**	**231.0**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	
	Dự án nhóm A																					
1	Dự án chuyển tiếp																					
2	Dự án khởi công mới																					
3	Dự án chuẩn bị đầu tư																					
	Dự án nhóm B	**302.0**		**90.6**	**211.4**	**434.0**		**130.2**	**303.8**	**375.0**		**112.5**	**262.5**	**330.0**		**99.0**	**231.0**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	
1	Dự án chuyển tiếp	157.0		47.1	109.9	104.0		31.2	72.8	160.0		48.0	112.0	330.0		99.0	231.0	0.0		0.0	0.0	
2	Dự án khởi công mới	145.0		43.5	101.5	330.0		99.0	231.0	215.0		64.5	150.5	0.0		0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	
3	Dự án chuẩn bị đầu tư																					
	Dự án nhóm C	**158.0**		**47.4**	**110.6**	**265.0**		**79.5**	**185.5**	**165.0**		**49.5**	**115.5**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	
1	Dự án chuyển tiếp	28.0		8.4	19.6	60.0		18.0	42.0	20.0		6.0	14.0	0.0		0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	
2	Dự án khởi công mới	130.0		39.0	91.0	205.0		61.5	143.5	145.0		43.5	101.5	0.0		0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	
3	Dự án chuẩn bị đầu tư																					
II	**Mua sắm tài sản**	**292.0**		**87.6**	**204.4**	**266.0**		**79.8**	**186.2**	**196.0**		**58.8**	**137.2**	**148.0**		**44.4**	**103.6**	**18.0**		**5.4**	**12.6**	
III	**Đầu tư khác**																					
B	**Các Công ty con đầu tư**	**42.0**		**12.6**	**29.4**	10.0		**3.0**	**7.0**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	**0.0**		**0.0**	**0.0**	